

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang, bà **Phạm Thị Tuyết**.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Khóm A, thị trấn D huyện H, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn T**, sinh năm 1979; địa chỉ: **Khóm A, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2024, biên bản hoà giải ngày 07/6/2024, đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/6/2024, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị X** trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Thành** kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2008 tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh **T** hay uống rượu bia rồi chửi bới, xúc phạm, có lúc còn đánh đập chị và các con, chị đã khuyên can nhưng anh **T** không từ bỏ. Vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 5/2023 cho đến nay. Chị **X** xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Thành**. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Quốc Đ**, sinh ngày 06/12/2008 và cháu **Nguyễn Thị Như Ý**, sinh ngày 17/12/2012. Chị **X** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2024, biên bản hoà giải ngày 09/5/2024 và ngày 07/6/2024, bị đơn anh **Nguyễn T** trình bày:

Anh và chị **Nguyễn Thị X** kết hôn vào năm 2008, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, anh mong muốn xin được đoàn tụ. Về con chung: Có 02 con chung là các cháu **Nguyễn Quốc Đ**, sinh ngày 06/12/2008 và cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 17/12/2012. Anh **T** có nguyện vọng xin đoàn tụ nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa. Thư ký thực hiện việc tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng cho đương sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị **Nguyễn Thị X** được ly hôn với anh **Nguyễn Thành**.

Về nuôi con chung: Giao cháu **Nguyễn Quốc Đ**, sinh ngày 06/12/2008 và cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 17/12/2012 cho chị **Nguyễn Thị X** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị **Nguyễn Thị X** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú **khóm A, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị **X** và anh **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình** vào ngày 12/5/2008, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Tại biên bản xác minh ngày 07/5/2024, Hội liên hiệp phụ nữ **thị trấn D** cung cấp thông tin: Trong sinh hoạt hàng ngày, do bất đồng quan điểm sống nên giữa chị **X** và anh **T** thường xảy ra mâu thuẫn, chị **X** và anh **T** đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị **X** và anh **T** không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị X**.

[4]. Về nuôi con chung: Chị **X** và anh **T** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Quốc Đ**, sinh ngày 06/12/2008 và cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 17/12/2012. Chị **X** có nguyện vọng trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 09/5/2024, cháu **Đ** và cháu Ý đều có nguyện vọng xin được sống với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Chị **X** cũng đã cung cấp cho Tòa án bảng lương của bản thân với mức lương 10.000.000đồng/tháng. Thấy rằng, cháu **Đ** và cháu Ý đều có nguyện vọng xin được sống với mẹ, chị **X** có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Vì vậy, giao cháu **Nguyễn Quốc Đ** và cháu Nguyễn Thị Như Ý cho chị **X** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **X** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị X** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Thành .

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 06/12/2008 và cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 17/12/2012 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai thu số 0000143 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Chị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Diên Sanh;
- Lưu: hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HC - TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoan